

Số: 347/ĐP-BQHCD

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG  
KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP. HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức : Công ty cổ phần Đạt Phương
  - Mã chứng khoán : DPG
  - Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Handico, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
  - Điện thoại : 0243 7830856
  - Fax : 0243 7830859
  - Người thực hiện công bố thông tin : Lê Thị Hà
  - Chức vụ : Trưởng ban quan hệ cổ đông
- Loại thông tin công bố :  X định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần Đạt Phương (DPG) công bố thông tin: Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Đạt Phương [www.datphuong.com.vn](http://www.datphuong.com.vn) vào ngày 20/07/2018 tại mục “Quan hệ cổ đông”.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

**Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2018;

**Đại diện tổ chức**

Người thực hiện công bố thông tin  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



*Lê Thị Hà*

**ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế: 0101218757

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

**Quý 2 Năm 2018**

*Hà Nội, tháng 7 năm 2018*



## **MỤC LỤC**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 Năm 2018

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế : 0101218757

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KDTM Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.466.328.971.779</b>	<b>1.436.083.841.594</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>133.540.183.852</b>	<b>498.813.077.255</b>
1.	Tiền	111		13.686.827.225	267.855.602.838
2.	Các khoản tương đương tiền	112		119.853.356.627	230.957.474.417
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>235.442.500</b>	<b>235.442.500</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	205.442.500	205.442.500
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	30.000.000	30.000.000
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.101.160.844.291</b>	<b>824.162.184.132</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.013.186.960.996	782.167.284.917
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	50.483.094.035	29.203.274.363
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	18.849.900.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	18.640.889.260	12.791.624.852
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>206.386.117.158</b>	<b>99.007.652.934</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	206.386.117.158	99.007.652.934
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.006.383.978</b>	<b>13.865.484.773</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.275.246.995	288.735.338
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.731.136.983	13.576.749.435
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>643.600.290.832</b>	<b>625.195.383.058</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>59.000.000.000</b>	<b>59.000.000.000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	59.000.000.000	59.000.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>115.908.030.537</b>	<b>128.007.310.742</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	115.908.030.537	128.007.310.742
	<i>Nguyên giá</i>	222		319.964.381.929	316.577.289.918
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(204.056.351.392)	(188.569.979.176)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		57.000.000	57.000.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(57.000.000)	(57.000.000)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.064.866.073</b>	<b>351.818.181</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.064.866.073	351.818.181
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2c</b>	<b>455.905.656.000</b>	<b>424.180.656.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		453.858.000.000	422.133.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.047.656.000	2.047.656.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.721.738.222</b>	<b>13.655.598.135</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	11.721.738.222	13.655.598.135
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>2.109.929.262.611</b>	<b>2.061.279.224.652</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.478.998.372.465</b>	<b>1.461.176.761.337</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.194.722.565.185</b>	<b>1.181.706.453.259</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	191.992.672.525	221.661.344.696
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	279.050.692.823	214.085.788.028
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.246.730.656	30.420.089.153
4. Phải trả người lao động	314		10.857.077.230	13.733.463.766
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	95.402.383.333	75.320.422.698
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.862.141.761	61.517.701.405
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	572.758.027.433	524.220.672.365
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	6.720.423.795	14.764.655.519
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	24.832.415.629	25.982.315.629
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>284.275.807.280</b>	<b>279.470.308.078</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	261.634.724.403	256.829.225.201
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18b	22.641.082.877	22.641.082.877
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

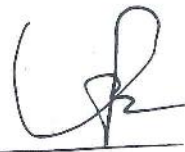
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>630.930.890.146</b>	<b>600.102.463.315</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>630.930.890.146</b>	<b>600.102.463.315</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		299.999.620.000	118.577.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		299.999.620.000	118.577.380.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		49.341.290.000	49.341.290.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ		415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		41.352.798.365	41.352.798.365
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		240.237.181.781	390.830.994.950
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		185.408.785.350	390.830.994.950
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		54.828.396.431	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí		431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>2.109.929.262.611</b>	<b>2.061.279.224.652</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Bình



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, D. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	417.755.591.047	386.284.335.751	772.271.857.714	622.322.308.194
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		417.755.591.047	386.284.335.751	772.271.857.714	622.322.308.194
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	369.960.061.532	344.136.992.592	695.215.633.056	559.436.897.115
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.795.529.515	42.147.343.159	77.056.224.658	62.885.411.079
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.261.380.547	13.673.592.537	18.791.182.128	14.617.697.725
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.433.708.060	6.182.809.314	17.316.026.673	11.950.876.852
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.291.678.608	6.182.809.314	17.041.049.961	11.950.876.852
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.053.336.085	7.377.128.783	19.774.920.591	16.429.082.823
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.569.865.917	42.260.997.599	58.756.459.522	49.123.149.129
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.053.101.764		8.295.171.038	3.988.360.065
12. Chi phí khác	32	VI.7	32.580.297	74.908.810	67.341.894	112.628.650
13. Lợi nhuận khác	40		1.020.521.467	(74.908.810)	8.227.829.144	3.875.731.415
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.590.387.384	42.186.088.789	66.984.288.666	52.998.880.544
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.14	7.450.905.508	6.192.917.247	12.155.892.235	8.364.398.118
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.139.481.876	35.993.171.542	54.828.396.431	44.634.482.426
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8				

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thu*

Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng

*Phạm Quang Huy*

Phạm Quang Huy

Lập ngày 26 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KDTM Mỹ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		66.984.288.666	52.998.880.544
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	19.340.010.071	19.913.881.450
- Các khoản dự phòng	03		(8.044.231.724)	(3.988.360.065)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.408.678.594)	(14.524.411.057)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17.041.049.961	11.950.876.852
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		74.912.438.380	66.350.867.724
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(219.485.159.403)	(33.904.823.569)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(107.378.464.224)	(72.839.158.427)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.160.525.205)	(147.573.878.999)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		947.348.256	2.238.849.944
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.041.049.961)	(11.950.876.852)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(33.150.871.448)	(20.350.043.831)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1.149.900.000)	(2.389.764.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(311.506.183.605)</b>	<b>(220.418.828.010)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(32.649.412.362)	(2.488.239.090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.793.937.449	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.849.900.000)	(1.290.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(31.725.000.000)	(42.459.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.107.387.445	2.873.611.057
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(65.322.987.468)</b>	<b>(43.364.128.033)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	530.529.228.129	504.665.032.019
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(477.186.373.859)	(386.718.700.016)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	(41.786.576.600)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>11.556.277.670</b>	<b>117.946.332.003</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(365.272.893.403)	(145.836.624.040)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	498.813.077.255	363.554.500.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<b>133.540.183.852</b>	<b>217.717.876.618</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Bình



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đạt Phương (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Bung	Thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh điện năng; Xây dựng các công trình giao thông	61,32%	61,32%	61,32%
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Số 51-53, Đường số 16, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần 30 – 4 Quảng Ngãi	Lô N1.1-14, KĐT An Phú Sinh, đường Đinh Tiên Hoàng, P. Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện, sản xuất truyền tải và phân phối điện	67,5%	67,5%	67,5%
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Khu tái định cư Tân Thịnh – Tân Mỹ, phường Cẩm An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở	80%	80%	80%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ nay.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **7. Nhân viên**

Tại ngày 30/06/2018, Công ty có 402 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm (01/01/2018) là 434 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Doanh thu phát sinh trong kỳ} + \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở dang cuối kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \text{Khối lượng kiểm kê dở dang} \times \text{Đơn giá trúng} \\ \text{thầu}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 6
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 7
Tài sản cố định khác	3 – 4

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **11. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 5% doanh thu của các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### **12. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
Tiền mặt	638.716.710	74.248.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.048.110.515	267.781.354.638
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	119.853.356.627	230.957.474.417
<b>Cộng</b>	<b>133.540.183.852</b>	<b>498.813.077.255</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ (30/06/2018)			Số đầu năm (01/01/2018)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (11.607 cổ phiếu)	205.442.500	301.782.000		205.442.500	295.978.500	

#### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000

#### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (30/06/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>453.858.000.000</b>		<b>422.133.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Sông Bung <sup>(i)</sup>	116.508.000.000		116.508.000.000	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn <sup>(ii)</sup>	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi <sup>(iii)</sup>	244.350.000.000		212.625.000.000	
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An <sup>(iv)</sup>	88.000.000.000		88.000.000.000	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>2.047.656.000</b>		<b>2.047.656.000</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai <sup>(v)</sup>	2.047.656.000		2.047.656.000	
<b>Cộng</b>	<b>455.905.656.000</b>		<b>424.180.656.000</b>	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030542893 ngày 09 tháng 3 năm 2009, thay đổi lần 12 ngày 14 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Bung 116.508.000.000 VND, tương đương 61,32% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310295378 ngày 01 tháng 09 năm 2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(iii) Trong kỳ, Công ty mua thêm 3.172.500 cổ phần của Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi nâng tổng số cổ phần Công ty sở hữu tại ngày 31/03/2018 của công ty này đạt 24.435.000 cổ phần, tương đương 67,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi (vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4300506732 thay đổi lần 5 ngày 05 tháng 06 năm 2018).

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001115346 ngày 10 tháng 7 năm 2017, thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An 88.000.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.

(v) Tại ngày 30/06/2018, Công ty nắm giữ 255.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai, tương đương 0,4% vốn điều lệ (Tại ngày 01/01/2018 là 255.900 cổ phiếu).



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần 30 – 4 Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Quý 2 năm 2018</u>	<u>Quý 2 năm 2017</u>
<b>Công ty Cổ phần Sông Bung</b>		
Doanh thu bán vật tư và thiết bị cho Công ty con	2.861.558.505	13.128.786.189
Thuê Công ty con thực hiện xây lắp	39.959.456.856	72.111.119.092
Thuê vật tư, thiết bị của Công ty con	565.202.563	47.000.000
Công ty con chia cổ tức	11.650.800.000	11.650.800.000
<b>Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn</b>		
Doanh thu bán vật tư và cho thuê thiết bị cho Công ty con	136.000.000	13.772.953.376
Thuê Công ty con thực hiện xây lắp	3.041.909.621	32.697.506.758
Thuê vật tư, thiết bị của Công ty con	-	-
Lãi cho Công ty con vay	341.911.646	-
<b>Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi</b>		
Doanh thu thi công cho Công ty con	33.941.520.909	103.763.951.820
Góp vốn vào Công ty con	31.725.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An</b>		
Doanh thu bán vật tư và cho thuê thiết bị cho ĐP Hội An	98.000.000	-
Doanh thu XL hạ tầng khu Võng Nhi	72.527.290.336	-
Doanh thu chuyển nhượng Nội Rạng	-	-
Mua giá trị hỗ trợ đầu tư từ công ty con	153.163.636	-
Góp vốn vào Công ty con	-	-
Lãi cho Công ty con vay	1.291.116.667	-

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ (30/06/2018)</u>	<u>Số đầu năm (01/01/2018)</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Sông Bung	10.135.398.574	2.608.532.597
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	149.600.000	-
Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi	128.032.208.350	37.743.428.350
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	177.119.894.413	41.336.025.823
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai <sup>(*)</sup>	297.678.242.000	253.533.142.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
Công ty TNHH B.O.T Quốc lộ 1 Sóc Trăng	79.833.975.568	79.833.975.568
Công ty Obrascon Huarte Lain, SA (OHL)	42.426.393.654	83.274.734.209
Ban quản lý Dự án Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật		8.249.195.000
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Lạng Sơn	23.112.975.010	24.112.975.010
Các khách hàng khác	254.698.273.427	251.475.276.360
<b>Cộng</b>	<b>1.013.186.960.996</b>	<b>782.167.284.917</b>

- (\*) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại, sẽ được hoàn trả bằng quỹ đất theo hình thức đổi đất lấy cơ sở hạ tầng. Quỹ đất được hoàn trả gồm Khu đô thị Đồng Nà (Bến Trê), thành phố Hội An: 6ha; Khu đô thị Vống Nhi, thành phố Hội An: 15ha; Khu đô thị Cồn Tiên, thành phố Hội An: 30ha; Khu đô thị Nổi Rang, huyện Duy Xuyên: 25ha; Khu đô thị ven biển xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam: 230ha.

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		<b>4.023.345.615</b>
Công ty Cổ phần Sông Bung		4.023.345.615
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<b>50.483.094.035</b>	<b>25.179.928.748</b>
Công ty Cổ phần TV và TM Việt Hưng - CN Cần Thơ	1.745.947.299	4.521.765.312
Công ty TNHH MTV Đức Hiếu Phú Quốc	1.780.303.502	2.666.239.346
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Thịnh		5.312.143.674
Các nhà cung cấp khác	46.956.843.234	12.679.780.416
<b>Cộng</b>	<b>50.483.094.035</b>	<b>29.203.274.363</b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

##### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn:

	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>18.034.900.000</b>	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	18.034.900.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>815.000.000</b>	
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	200.000.000	
Phòng kinh tế và hạ tầng huyện Bình Tân	615.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>18.849.900.000</b>	

- 5b. *Phải thu về cho vay dài hạn:* Khoản cho Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An là bên liên quan vay, số tiền 59.000.000.000 VND với lãi suất 7,8%/năm trong 03 kỳ đầu tiên (một kỳ là 3 tháng), các kỳ tính lãi sau áp dụng lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh một lần bằng lãi vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP Hồ Chí Minh áp dụng cho trái phiếu doanh nghiệp kỳ hạn 5 năm. Thời hạn vay tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ (30/06/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>4.546.458.479</b>		<b>1.756.934.169</b>	
Công ty cổ phần Sông Bung	6.177.500		-	
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An	4.192.933.333		1.756.934.169	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	347.347.646			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>14.094.430.781</b>		<b>11.034.690.683</b>	
Tạm ứng	13.783.592.714		10.134.609.870	
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm	-		367.409.149	
Phải thu về cổ tức được chia			108.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	310.838.067		424.671.664	
<b>Cộng</b>	<b>18.640.889.260</b>		<b>12.791.624.852</b>	

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ (30/06/2018)		Số đầu năm (01/01/2018)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu				
Công cụ, dụng cụ	76.836.000		55.424.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang <sup>(*)</sup>	206.309.281.158		98.952.228.934	
<b>Cộng</b>	<b>206.386.117.158</b>		<b>99.007.652.934</b>	

(\*) Chi tiết từng công trình như sau:

Công trình	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
Công trình Cầu Niệm 2	11.092.165.551	12.911.634.139
Công trình Tuyến tránh Sóc Trăng	829.967.798	
Công trình Cầu Đẽ Vông	19.353.269.512	10.077.222.876
Công trình Cầu 16 Trà Vinh	170.522.877	1.753.365.251
Công trình Thủy điện Sơn Trà	17.200.935.891	5.080.556.428
Công trình Đường trung tâm đoạn 3, Bãi Trường, Phú Quốc	21.959.717.492	6.726.954.154
Công trình Cầu Bình Ca	1.260.996.086	5.347.119.450
Dự án Nam Quảng Nam (Hội An)	62.082.397.346	28.011.540.988
Gói 3.5A- Đường dẫn cầu Cửa Đại	3.562.659.735	14.933.540.625
Nút giao Trường Hải	12.524.735.795	
ĐA Điện Bàn- Quảng Nam		2.700.862.976
Các công trình khác	56.271.913.075	11.415.132.047
<b>Cộng</b>	<b>206.309.281.158</b>	<b>98.952.228.934</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
Chi phí bảo hiểm	446.181.465	283.235.338
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	829.065.530	5.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.275.246.995</b>	<b>288.735.338</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
Chi phí công cụ dụng cụ	11.721.738.222	11.955.644.995
Chi phí sửa chữa		1.663.022.118
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	36.931.022
<b>Cộng</b>	<b>11.721.738.222</b>	<b>13.655.598.135</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm (01/01/2018)	478.825.050	249.395.334.758	60.512.688.563	255.986.669	5.934.454.878	316.577.289.918
Mua trong năm	-	6.909.006.288	-	149.000.000	1.096.882.182	8.154.888.470
Đầu tư XD/CB hoàn thành		894.790.000				894.790.000
Thanh lý, nhượng bán		(4.050.658.008)	(1.611.928.451)	-	-	(5.662.586.459)
<b>Số cuối kỳ (30/06/2018)</b>	<b>478.825.050</b>	<b>253.148.473.038</b>	<b>58.900.760.112</b>	<b>404.986.669</b>	<b>7.031.337.060</b>	<b>319.964.381.929</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	478.825.050	72.691.628.289	14.634.021.743	68.149.669	1.034.717.607	88.907.342.358
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm (01/01/2018)	478.825.050	147.061.295.863	37.290.708.756	150.274.304	3.588.875.203	188.569.979.176
Khấu hao trong năm		14.183.948.021	4.433.674.044	30.367.566	692.020.440	19.340.010.071
Thanh lý, nhượng bán		(2.241.709.404)	(1.611.928.451)			(3.853.637.855)
<b>Số cuối kỳ (30/06/2018)</b>	<b>478.825.050</b>	<b>159.003.534.480</b>	<b>40.112.454.349</b>	<b>180.641.870</b>	<b>4.280.895.643</b>	<b>204.056.351.392</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm (01/01/2018)		102.334.038.895	23.221.979.807	105.712.365	2.345.579.675	128.007.310.742
Số cuối kỳ (30/06/2018)	-	<b>94.144.938.558</b>	<b>18.788.305.763</b>	<b>224.344.799</b>	<b>2.750.441.417</b>	<b>115.908.030.537</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng  
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 199.139.908.634 VND và 89.292.076.911 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Là Chương trình, phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí đầu tư xây dựng phần mềm quản lý dự án, phần mềm quản lý thiết bị.

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ (30/06/2018)</u>	<u>Số đầu năm (01/01/2018)</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>21.496.984.085</i>	<i>65.830.712.792</i>
Công ty Cổ phần Sông Bung	19.977.417.806	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	1.519.566.279	33.380.334.892
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An		52.980.000
Ông Lương Tuấn Minh		32.397.397.900
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>170.495.688.440</i>	<i>155.830.631.904</i>
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	11.011.777.191	20.596.562.662
Công ty Xây dựng Lê Phan – TNHH	2.538.110.617	7.964.702.326
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Thăng Long 89	2.487.916.493	4.487.916.493
Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Sơn	2.501.840.156	2.501.840.156
Công ty cổ phần liên kết công nghệ xây dựng	1.678.628.930	741.435.650
Công ty CP Thép Việt Trung	15.054.033.805	3.931.657.540
Các nhà cung cấp khác	135.223.381.248	115.606.517.077
<b>Cộng</b>	<b><u>191.992.672.525</u></b>	<b><u>221.661.344.696</u></b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ (30/06/2018)</u>	<u>Số đầu năm (01/01/2018)</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>279.050.692.823</i>	<i>214.085.788.028</i>
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu kinh tế, công nghiệp	108.568.298.000	21.947.093.151
Ban quản lý dự án đầu tư XD huyện Phú Quốc	42.846.002.112	118.568.298.000
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	21.709.000.000	26.231.432.250
Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	62.943.271.418	-
Khu quản lý giao thông đô thị số 3	17.846.593.151	21.947.093.151
Các khách hàng khác	25.137.528.142	31.838.964.627
<b>Cộng</b>	<b><u>279.050.692.823</u></b>	<b><u>214.085.788.028</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm (01/01/2018)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kỳ (30/06/2018)
Thuế GTGT hàng bán nội địa		16.903.015.322	(16.903.015.322)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.424.605.108	12.155.892.235	(33.150.871.448)	7.429.625.895
Thuế thu nhập cá nhân	1.522.279.495	3.464.889.916	(3.170.064.650)	1.817.104.761
Thuế tài nguyên	260.465.800	919.196.000	(1.179.661.800)	-
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	212.738.750	280.010.557	(492.749.307)	-
<b>Cộng</b>	<b>30.420.089.153</b>	<b>33.726.004.030</b>	<b>(54.899.362.527)</b>	<b>9.246.730.656</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 2 năm 2018	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.590.387.384	66.984.288.666
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.422.940.155	5.553.972.510
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.422.940.155	5.553.972.510
<i>Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	34.560.000	69.120.000
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng.</i>	54.589.632	109.179.264
<i>Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	21.646.849	63.529.572
<i>Các khoản chi không hợp lệ khác</i>	5.312.143.674	5.312.143.674
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	49.013.327.539	72.538.261.176
Thu nhập được miễn thuế	(11.758.800.000)	(11.758.800.000)
Thu nhập tính thuế	37.254.527.539	60.779.461.176
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.450.905.508</b>	<b>12.155.892.235</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>7.450.905.508</b>	<b>12.155.892.235</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác cát và đá với mức thuế suất lần lượt 15% và 10%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ (30/06/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>95.402.383.333</b>	<b>75.320.422.698</b>
Trích trước chi phí thầu phụ công trình đã thi công tương ứng với phần đã nghiệm thu với chủ đầu tư tại Cầu Tràng Thưa		1.914.491.193
Tạm trích giá vốn chuyển nhượng dự án đầu tư <sup>(*)</sup>	92.865.000.000	71.250.000.000
Dự trả chi phí lãi vay		464.198.172
Dự trả lãi trái phiếu		1.691.733.333
Phải trả khác	2.537.383.333	
<b>Cộng</b>	<b>95.402.383.333</b>	<b>75.320.422.698</b>

(\*) Tạm tính giá đất thô Khu đô thị Đồng Nà, Khu đô thị Võng Nhi và Khu đô thị Nội Rạng theo giá đất tại hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đã được duyệt khi thực hiện dự án xây dựng – chuyển giao cầu Đé Võng.

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ (30/06/2018)</b>	<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>609.427.070</b>	
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	609.427.070	
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>3.252.714.691</b>	<b>61.517.701.405</b>
Kinh phí công đoàn	898.828.397	770.079.173
Thuế TNCN phải trả lại người lao động	1.305.904.142	1.223.903.256
Phải trả các cá nhân về chi phí công trình	235.506.376	793.450.335
Doanh thu chưa thực hiện	200.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Chu Lai Hội An - Hợp tác kinh doanh		40.027.383.000
Cổ tức phải trả	-	17.786.607.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	612.475.776	916.278.641
<b>Cộng</b>	<b>3.862.141.761</b>	<b>61.517.701.405</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		<b>1.000.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Phóng <sup>(i)</sup>		1.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>572.758.027.433</b>	<b>498.357.493.941</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long <sup>(ii)</sup>	561.163.653.855	232.567.102.517
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(iii)</sup>	267.503.262.346	259.680.367.424
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup>	293.660.391.509	6.110.024.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	<b>11.594.373.578</b>	<b>24.863.178.424</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>572.758.027.433</u></b>	<b><u>524.220.672.365</u></b>

(i) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Nguyễn Thị Phóng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất là 8,4%/năm và thời hạn vay 01 năm.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài sản của các cá nhân có ký hợp đồng cho mượn tài sản để cầm cố (xem thuyết minh VII.1a).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP Hồ Chí Minh để thanh toán công nợ với nhà cung cấp và thanh toán đầu tư xây dựng công trình cầu cầu Đé Vông với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm (01/01/2018)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ (30/06/2018)
Vay bên liên quan	1.000.000.000	-		(1.000.000.000)	-
Vay ngân hàng	498.357.493.941	525.723.728.927		(462.917.569.013)	561.163.653.855
Vay dài hạn đến hạn trả	24.863.178.424	-		(13.268.804.846)	11.594.373.578
<b>Cộng</b>	<b><u>524.220.672.365</u></b>	<b><u>525.723.728.927</u></b>		<b><u>(477.186.373.859)</u></b>	<b><u>572.758.027.433</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
<i>Vay bên liên quan</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<b>24.617.211.680</b>	<b>20.064.056.680</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long <sup>(i)</sup>	6.769.841.680	2.216.686.680
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(ii)</sup>	15.139.370.000	2.708.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm <sup>(iii)</sup>	2.708.000.000	15.139.370.000
<i>Trái phiếu thường dài hạn</i> <sup>(iv)</sup>	<b>237.017.512.723</b>	<b>236.765.168.521</b>
<b>Cộng</b>	<b>261.634.724.403</b>	<b>256.829.225.201</b>

- (i) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 1 đến 6 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng với lãi suất biên từ 3,2% đến 4,5%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần hoặc khi có sự thay đổi lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 48 tháng và 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng hoặc 24 tháng cộng với lãi suất biên từ 2,9% đến 3%. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 05 năm, mệnh giá 1.000.000.000 VND, lãi suất 7,8% đối với năm đầu, các năm sau lãi suất thả nổi, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 TP Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty và thanh toán đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 (cầu Đê Vông) trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại theo hình thức xây dựng- chuyên giao (BT). Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BT. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 239.000.000.000 VND. Chi phí phát hành trái phiếu là 2.390.000.000 VND, trong đó chi phí phát hành trái phiếu đã được phân bổ vào trong kỳ là 126.869.184 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
<b>Số cuối kỳ (30/06/2018)</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	36.211.585.258	11.594.373.578	24.617.211.680	
Trái phiếu thường	237.017.512.723		237.017.512.723	
<b>Cộng</b>	<b>273.229.097.981</b>	<b>11.594.373.578</b>	<b>261.634.724.403</b>	
<b>Số đầu năm (01/01/2018)</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	44.927.235.104	24.863.178.424	20.064.056.680	
Trái phiếu thường	236.765.168.521		236.765.168.521	
<b>Cộng</b>	<b>281.692.403.625</b>	<b>24.863.178.424</b>	<b>256.829.225.201</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm (01/01/2018)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ (30/06/2018)
Vay dài hạn ngân hàng	20.064.056.680	4.553.155.000		24.617.211.680
Trái phiếu thường	236.765.168.521	252.344.202		237.017.512.723
<b>Cộng</b>	<b>256.829.225.201</b>	<b>4.805.499.202</b>		<b>261.634.724.403</b>

### 17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

#### 18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2018)	14.764.655.519
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	
Số sử dụng	(28.969.090)
Số hoàn nhập	(8.015.262.634)
<b>Số cuối kỳ (30/06/2018)</b>	<b>6.720.423.795</b>

#### 18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2018)	22.641.082.877
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	-
<b>Số cuối kỳ (30/06/2018)</b>	<b>22.641.082.877</b>

### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm (01/01/2018)	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ (30/06/2018)
Quỹ khen thưởng	12.598.681.925		(1.110.900.000)	11.487.781.925
Quỹ phúc lợi	13.383.633.704		(39.000.000)	13.344.633.704
<b>Cộng</b>	<b>25.982.315.629</b>		<b>(1.149.900.000)</b>	<b>24.832.415.629</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000	33.937.703.270	299.357.547.303	399.231.770.573
Lợi nhuận trong kỳ			148.301.901.894	148.301.901.894
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	19.762.600.000		(19.762.600.000)	(17.786.607.000)
Tạm chia cổ tức năm 2017	32.938.260.000	7.415.095.095	(17.786.607.000)	82.219.550.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	49.281.290.000		(19.279.247.247)	(11.864.152.152)
Trích lập các quỹ	118.577.380.000	41.352.798.365	390.830.994.950	600.102.463.315
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>118.577.380.000</b>	<b>41.352.798.365</b>	<b>390.830.994.950</b>	<b>600.102.463.315</b>
Số dư đầu năm nay	118.577.380.000	41.352.798.365	390.830.994.950	600.102.463.315
Lợi nhuận trong kỳ			54.828.396.431	54.828.396.431
Tăng vốn từ lợi nhuận <sup>(1)</sup>	181.422.240.000	-	(181.422.240.000)	
Chia cổ tức năm 2017			(23.999.969.600)	(23.999.969.600)
Trích lập các quỹ	299.999.620.000	41.352.798.365	240.237.181.781	630.930.890.146
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>299.999.620.000</b>	<b>41.352.798.365</b>	<b>240.237.181.781</b>	<b>630.930.890.146</b>

<sup>(1)</sup> Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2018/NQ-ĐP-ĐHĐCD ngày 16 tháng 01 năm 2018 thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận với tỷ lệ 153%, tương đương với số tiền là 181.422.240.000 VND. Số lượng cổ phiếu phát hành cho từng cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Kết thúc đợt phát hành cổ phiếu, Công ty đã phân phối được 18.142.224 cổ phiếu nâng số lượng cổ phiếu lưu hành lên 29.999.962 cổ phiếu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (30/06/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.999.962	11.857.738
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu phổ thông	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu phổ thông	29.999.962	11.857.738
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 20c. Phân phối lợi nhuận

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2018/NQ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2018 thông qua việc chia cổ tức bằng tiền 23% mệnh giá. Trong đó: đã tạm ứng đợt 1: 17.786.607.000 đồng tương ứng 15% vào quý 1 năm 2018, chi trả đợt 2: 23.999.696.600 đồng tương ứng 8% vào quý 2 năm 2018. Công ty đã thực hiện chi trả đầy đủ cho cổ đông theo Nghị quyết.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Quý 2 năm 2018	Quý 2 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Doanh thu bán hàng hóa	9.206.744.197	22.581.681.771	28.389.948.581	61.950.863.283
Doanh thu cung cấp dịch vụ	393.164.814	4.320.057.794	1.352.826.955	4.378.910.615
Doanh thu chuyển nhượng dự án đầu tư <sup>(*)</sup>			46.014.736.000	
Doanh thu hợp đồng xây dựng	408.155.682.036	359.382.596.186	696.514.346.178	555.992.534.296
<b>Cộng</b>	<b>417.755.591.047</b>	<b>386.284.335.751</b>	<b>772.271.857.714</b>	<b>622.322.308.194</b>

(\*) Xem Thuyết minh số VI.2

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 2 năm 2018</u>	<u>Quý 2 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.108.269.999	22.022.306.771	25.461.906.817	59.331.364.483
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	334.961.408	3.456.046.235	1.038.749.647	3.509.013.774
Giá vốn chuyển nhượng dự án đầu tư <sup>(*)</sup>			44.501.686.000	
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	362.516.830.125	318.658.639.586	624.213.290.592	496.596.518.858
<b>Cộng</b>	<b><u>369.960.061.532</u></b>	<b><u>344.136.992.592</u></b>	<b><u>695.215.633.056</u></b>	<b><u>559.436.897.115</u></b>

(\*) Trong quý 1, Công ty đã chuyển nhượng dự án Khu đô thị Nội Rạng cho Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An (Công ty con) thực hiện.

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2 năm 2018</u>	<u>Quý 2 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.773.468.805	1.975.743.094	3.893.253.989	2.695.227.041
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	96.083.429	47.049.443	143.332.202	81.804.734
Lãi tiền cho vay	1.633.028.313		2.995.795.937	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.758.800.000	11.650.800.000	11.758.800.000	11.840.665.950
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh			-	
<b>Cộng</b>	<b><u>15.261.380.547</u></b>	<b><u>13.673.592.537</u></b>	<b><u>18.791.182.128</u></b>	<b><u>14.617.697.725</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 2 năm 2018</u>	<u>Quý 2 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Chi phí lãi vay	9.291.678.608	6.182.809.314	17.041.049.961	11.950.876.852
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.605.000		7.605.000	
Chi phí mượn tài sản mang đi thế chấp	134.424.452		267.371.712	
<b>Cộng</b>	<b><u>9.433.708.060</u></b>	<b><u>6.182.809.314</u></b>	<b><u>17.316.026.673</u></b>	<b><u>11.950.876.852</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 2 năm 2018</u>	<u>Quý 2 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Chi phí cho nhân viên	5.860.750.282	4.127.906.504	11.165.315.391	8.091.320.864
Chi phí vật liệu quản lý	35.540.000	22.451.755	85.418.273	624.081.766
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.563.454	17.871.818	174.251.150	65.677.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	500.304.012	560.893.200	1.061.197.212	1.068.651.919
Thuế, phí và lệ phí	14.498.700	164.184.226	17.498.700	167.184.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.505.399.899	2.373.123.962	7.188.180.672	6.215.696.373
Các chi phí khác	51.279.738	110.697.318	83.059.193	196.470.058
<b>Cộng</b>	<b>11.053.336.085</b>	<b>7.377.128.783</b>	<b>19.774.920.591</b>	<b>16.429.082.823</b>

### 6. Thu nhập khác

	<u>Quý 2 năm 2018</u>	<u>Quý 2 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	67.415.032		247.778.668	
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	984.705.837		8.015.262.634	3.988.360.065
Thu nhập khác	980.895		32.129.736	
<b>Cộng</b>	<b>1.053.101.764</b>		<b>8.295.171.038</b>	<b>3.988.360.065</b>

### 7. Chi phí khác

	<u>Quý 2 năm 2018</u>	<u>Quý 2 năm 2017</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định				
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	32.148.149	74.908.810	66.909.746	112.628.650
Chi phí khác	432.148	-	432.148	
<b>Cộng</b>	<b>32.580.297</b>	<b>74.908.810</b>	<b>67.341.894</b>	<b>112.628.650</b>

### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2 năm 2018	Quý 2 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.122.663.676	69.738.512.544	380.711.110.025	240.326.958.893
Chi phí nhân công	21.919.915.563	34.248.519.208	43.348.487.576	55.677.091.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.635.089.193	10.145.890.572	19.340.010.071	19.913.881.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.087.263.200	181.410.157.439	289.008.140.997	256.509.754.560
Chi phí khác	7.722.885.276	-	11.367.314.844	3.438.293.814
<b>Cộng</b>	<b>449.487.816.908</b>	<b>295.543.079.763</b>	<b>743.775.063.513</b>	<b>575.865.979.938</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	VND
• Tăng vốn cổ phần bằng lợi nhuận	: 181,422,240,000
• Bù trừ công nợ 3 bên với Công ty cổ phần đầu tư Chu Lai Hội An và Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An về chi phí Khu đô thị Nổi Rang	: 43,073,236,000

### 2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

### 3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

(Xem thuyết minh V.17)

### 4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

(Xem thuyết minh V.17)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Trả lãi vay cá nhân cho bà Nguyễn Thị Phóng – mẹ vợ ông Lương Minh Tuấn	17.033.333	35.233.332
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Lương Minh Tuấn	134.753.260	135.870.000
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Phạm Kim Châu	58.316.712	58.800.000
Phí mượn tài sản đảm bảo cho ông Lê Ngọc Cương – em trai ông Lê Ngọc Hào	21.868.767	22.050.000
Phí mượn tài sản đảm bảo cho bà Lương Thị Lan – chị gái ông Lương Minh Tuấn	22.910.137	25.928.096

### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Lương Minh Tuấn và ông Phạm Kim Châu dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 18.540.000.000 VND (xem thuyết minh số V.17a).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Quý 2 năm 2018	Quý 2 năm 2017	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Tiền lương	1.428.700.636	1.256.635.199	2.779.689.635	2.453.492.655
Tiền thưởng	10.500.000	9.000.000	10.500.000	9.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.439.200.636</b>	<b>1.265.635.199</b>	<b>2.790.189.635</b>	<b>2.462.492.655</b>

### *1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### **Bên liên quan khác**

	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Sông Bung	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Công ty con

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Xem thuyết minh số V.2c.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018 (Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, bán vật tư, cho thuê thiết bị và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 20 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu



Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Tổng Giám đốc

